

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HS-ST
Ngày: 19- 6 -2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Lê Văn Minh;**

2/ Bà: **Nguyễn Thị Mỹ Lệ;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Duy Ngọc Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2019/HSST ngày 14/5/2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ tên: **Võ Văn C** sinh năm 1996 tại Tiền Giang; HKTT: ấp M T, xã M T A, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn S (đã chết) và bà Bùi Thị Cẩm H sinh năm 1979; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: không; Tiền án: không ; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019 bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang về tội trộm cắp tài sản.

2/ Họ tên: **Phạm Thanh T** (Tên gọi khác: T B) sinh năm 1992 tại Tiền Giang; HKTT: ấp T P , xã T H T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị B sinh năm 1957; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: không; Tiền án: không ; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 20/3/2019 bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Người tham gia tố tụng khác:

*** Người bị hại:**

1/ Nguyễn Thị H, sinh ngày 1960. Nơi cư trú: ấp T T, xã T L T, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2/ Trương Thị L, sinh ngày 1966. Nơi cư trú: ấp G, thị trấn T H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

*** Người làm chứng:**

Ông Phạm Văn T sinh năm 1950. Nơi cư trú: ấp T P, xã T H T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa ; Người bị hại, Người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 8 giờ ngày 18/02/2019, Võ Văn C thực hiện hành vi lấy trộm tài sản là xe đạp điện của chị Nguyễn Thị H tại ấp T T, xã T L T, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Cần mở khóa xe đạp điện, chạy về hướng xã T H T, huyện Tân Phước. Cần chạy đến Cầu Cỏ Chi thì gặp Phạm Thanh T. Cần nói cho T biết vừa trộm được xe đạp điện và nhờ T dẫn đi bán để lấy tiền mua ma túy sử dụng. T đồng ý và dẫn Cần đi đến xã T H T, huyện Tân Phước thì bị Công an xã T H T phát hiện và đưa về Công an xã.

Quá trình điều tra, Võ Văn C khai vào ngày 25/01/2019 Cần lấy trộm xe mô tô hai bánh biển số 63B3 – 001.42 tại ấp G, thị trấn T H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang của bà Trương Thị L. Cần bán xe trộm cấp được cho T với giá 2.000.000đồng nhưng T mới trả được 500.000đồng. T khai khi biết được xe biển số 63B3 – 001.42 do Cần trộm cắp, T vẫn đồng ý mua nhưng sợ bị phát hiện nên T đã tháo kính chiếu hậu và dán biển số xe lại để sử dụng.

*** Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra thu giữ được:**

- 01 (một) xe đạp điện hiệu AMASA màu vàng đen, phía trước có rổ bằng nhựa màu trắng ;

- Một xe mô tô hai bánh biển số 63B3 – 001.42 màu đen, không còn tem, không đọc được số máy, số khung xe;

- 01 cái chìa khóa xe có chiều dài 07cm, cán bằng nhựa màu đen dài 3,5cm;

- 01 (một) kính chiếu hậu bằng kim loại màu trắng mặt kính hình tròn đường kính 10cm, phần chân kính bằng kim loại màu trắng dài 20cm, chỗ chân kính có miếng nhựa màu đen.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17, 18 ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang kết luận: 01 (một) xe đạp điện hiệu AMASA màu vàng đen, phía trước có rổ bằng nhựa màu trắng trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); Một xe mô tô hai bánh biển số 63B3 – 001.42 màu đen, không còn tem trị giá 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 06/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang kết luận: 01 (một) kính chiếu hậu bằng kim loại màu trắng mặt kính hình tròn đường kính 10cm, phần chân kính bằng kim loại màu trắng dài 20cm, chỗ chân kính có miếng nhựa màu đen có trị giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng);

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là: 11.050.000 đồng (Mười một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định số 263 ngày 04/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang đối với xe mô tô hai bánh biển số 63B3 – 001.42 màu đen, kết luận: số khung RLCM23C10BY038842, số máy 23C1- 038843 trước và sau giám định không đổi.

*** Xử lý vật chứng:**

- Ngày 01/3/2019, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Châu Thành đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho cho chị Nguyễn Thị H 01 (một) xe đạp điện hiệu AMASA màu vàng đen, phía trước có rổ bằng nhựa màu trắng;

- Ngày 06/3/2019, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Châu Thành đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho cho bà Trương Thị L: Một xe mô tô hai bánh biển số 63B3 – 001.42 màu đen, không còn tem, số khung RLCM 23C10BY038842, số máy 23C1- 038843; 01 (một) kính chiếu hậu bằng kim loại màu trắng mặt kính hình tròn đường kính 10cm, phần chân kính bằng kim loại màu trắng dài 20cm, chỗ chân kính có miếng nhựa màu đen;

* Các vật chứng còn lại, Cơ quan điều tra đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2019.

Tại Cáo trạng số 52/CT- VKSCT ngày 13/5/2019, Bị cáo Võ Văn C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” căn cứ theo khoản 1 điều 173 BLHS; Bị cáo Phạm Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” căn cứ theo khoản 1 điều 323 BLHS;

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị H và Trương Thị L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại phiên toà, bị cáo Võ Văn C khai nhận:

Vào khoảng 8 giờ 00 ngày 18/02/2019, bị cáo đi bộ trên Quốc lộ 1A để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến địa bàn ấp T T, xã T L T, bị cáo thấy xe đạp điện dựng trước cửa nhà không người trông coi. Bị cáo lại gần thực hiện hành vi lấy xe đạp điện dẫn vào đường Dal gần đó. Bị cáo dùng chìa khóa mở khóa xe chạy về hướng xã T H T, huyện Tân Phước . Bị cáo chạy xe đến cầu Cỏ Chi thì gặp Phạm Thanh T điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63B3-001.42. Bị cáo kêu T lại và nói cho T biết vừa trộm được xe đạp điện và nhờ T dẫn đi bán để lấy tiền mua ma túy sử dụng. T đồng ý và dẫn bị cáo đi đến xã T H T, huyện Tân Phước thì bị Công an xã T H T phát hiện và đưa về Công an xã.

Trước đó, vào ngày 25/01/2019 bị cáo thấy xe mô tô hai bánh biển số 63B3 – 001.42 tại ấp G, thị trấn T H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đang dựng trong hành lang nhà, không có khóa cửa rào. Bị cáo mở cửa vào lấy trộm xe đem bán cho T với giá 2.000.000đồng. Sau khi bán, bị cáo nói cho T biết được xe biển số 63B3 – 001.42 do bị cáo trộm cắp. T sợ bị phát hiện nên T đã tháo kính chiếu hậu cất giấu và dán biển số xe B3 thành B8 để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thanh T khai nhận:

Vào khoảng cuối tháng 01/2019, bị cáo có mua của Cần xe mô tô hai bánh biển số 63B3 – 001.42, xe không có team với số tiền 2.000.000đồng. Bị cáo đã đưa cho Cần 500.000đồng và Cần đã mua ma túy sử dụng. Lúc mua thì Cần nói xe của nhà Cần nhưng vài ngày sau Cần nói xe do Cần trộm cắp của người khác. Bị cáo vẫn chấp nhận và dùng băng keo dán biển số chữ B3 thành B8, tháo kính chiếu hậu cất giấu để sử dụng không bị phát hiện. Đến ngày 18/02/2019, bị cáo đang chạy xe trên đường thì gặp Cần chạy xe đạp điện. Cần kêu bị cáo nói vừa trộm được xe đạp điện và kêu bị cáo dẫn đi tìm chỗ bán. Bị cáo đồng ý và dẫn Cần đi đến xã T H T, huyện Tân Phước thì bị công an phát hiện và bắt giữ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của người khác; Bị cáo Phạm Thanh T thừa nhận hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 11.050.000đồng; Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự ;

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Văn C phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

+ Về hình phạt: phạt bị cáo Võ Văn C từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 18/02/2019;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự ;

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự;

+ Về hình phạt: phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 17/3/2019;

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585 Bộ luật dân sự;

Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 89, 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 cái chìa khóa xe có chiều dài 07cm, cán bằng nhựa màu đen dài 3,5cm;

Bị cáo Võ Văn C nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi của mình đã sai, thừa nhận hành vi phạm tội; xin lỗi người bị hại và hứa sẽ không tái phạm, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Thanh T không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện đầy đủ các chứng cứ, lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp.

[2] Đối với bị cáo Võ Văn C:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét bị cáo Võ Văn C khai nhận: bị cáo lợi dụng sơ hở của người bị hại. Ngày 18/02/2019 đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản là xe đạp điện của chị Nguyễn Thị H, mục đích để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Hậu quả là bị cáo đã chiếm đoạt tài sản theo kết luận định giá giá trị là: Xe đạp điện hiệu AMASA trị giá là 4.000.000đ. Trước đó, ngày 25/01/2019 đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản là xe mô tô biển số 63B3 – 001.42 của chị Trương Thị L, mục đích để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Hậu quả là bị cáo đã chiếm đoạt tài sản theo kết luận định

giá trị là: Xe mô tô trị giá là 7.000.000đ, kính chiếu hậu trị giá 50.000đ. Tổng cộng bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị là 11.050.000đ.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản, các chứng khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố.

Xét thấy hành vi của bị cáo có ý xem thường pháp luật; Bị cáo biết rõ tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng đã cố ý lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại để bán lấy tiền tiêu xài; Tài sản mà bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt theo kết luận định giá của Hội đồng định giá có giá trị là 11.050.000đ; Thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo là người đã đủ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo vệ. Như vậy, hành vi của bị cáo Võ Văn C đã có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Võ Văn C phạm tội “ Trộm cắp tài sản” , tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2.2] Xét về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo:

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại về tài sản của người khác; Làm ảnh hưởng đến trật tự, an ninh ở địa phương. Vì vậy bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi mà mình đã phạm.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội từ hai lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xét về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Xét về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu, không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy, không tu chí làm ăn. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Đối với bị cáo Phạm Thanh T:

[3.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét bị cáo Phạm Thanh T khai nhận: bị cáo biết rõ tài sản do bị cáo Cần phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn đồng ý tiêu thụ. Ngày 18/02/2019 đã thực hiện hành vi dẫn bị cáo Cần đi tìm chỗ bán xe đạp điện của chị Nguyễn Thị H do Cần

trộm cắp, mục đích để lấy tiền mua ma túy sử dụng. Trước đó, ngày 25/01/2019 đã thực hiện hành vi mua tài sản do bị cáo Võ Văn C phạm tội mà có là xe mô tô biển số 63B3 – 001.42 của chị Trương Thị L.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo Võ Văn C, người bị hại, các chứng khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố.

Xét thấy hành vi của bị cáo có ý xem thường pháp luật; Bị cáo biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ tài sản bằng hành vi mua xe mô tô biển số 63B3 – 001.42 và tìm cách dán biển số, tháo kính chiếu hậu để tránh bị người khác phát hiện; Dẫn bị cáo Cần đi tìm chỗ bán xe đạp điện; Thời điểm thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản, bị cáo là người đã đủ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo vệ. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Thanh T đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[2.2] Xét về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo:

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại về tài sản của người khác; Làm ảnh hưởng đến trật tự, an ninh ở địa phương. Vì vậy bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi mà mình đã phạm.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội từ hai lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xét về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Xét về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu, không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy, không tu chí làm ăn. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Xét bị hại Nguyễn Thị H và Trương Thị L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Người bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. HĐXX không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, giao trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định pháp luật. HĐXX không xem xét lại.

- Xét các vật chứng hiện Chi cục THADS huyện Châu Thành tạm giữ gồm: 01 cái chìa khóa xe có chiều dài 07cm, cán bằng nhựa màu đen dài 3,5cm là tài sản bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 89, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với số tiền bán xe mô tô 500.000đồng, bị cáo Cần đã nhận của bị cáo T sử dụng vào việc mua ma túy là tiền do phạm tội mà có. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 89, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX buộc bị cáo Võ Văn C phải nộp sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát : phân tích hành vi phạm tội; hậu quả; đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt là có cơ sở như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” ;

Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Về hình phạt: Phạt bị cáo Võ Văn C 01 (một) năm tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 18/02/2019.

2/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Về hình phạt: Phạt bị cáo Phạm Thanh T 09 (chín) tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 17/3/2019.

3/ Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 89, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Võ Văn C phải nộp 500.000 đồng sung quỹ Nhà nước.
- Tịch thu tiêu hủy : 01 cái chìa khóa xe có chiều dài 07cm, cán bằng nhựa màu đen dài 3,5cm;

4/ Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Võ Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo Phạm Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

5/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND.TG
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành.
- THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Các Đ/S;
- Lưu

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Nhàn